TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Chí T, sinh năm 1985. Hộ khẩu thường trú: Số 14/3/2 đường Nguyễn Thị Minh K, tổ 16 (tổ 13 cũ), khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Đàm Thị N, sinh năm 1968. Hộ khẩu thường trú: Số 14/3/2 đường Nguyễn Thị Minh K, tổ 16 (tổ 13 cũ), khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30/12/2022, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông T) trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T và bà N chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 02/5/2008. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến Tết âm lịch năm 2021, thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi nhau, cuộc sống quá tẻ nhạt và mệt mỏi nên ông T đã

dọn ra ngoài thuê phòng trọ để sinh sống và đi làm thuê. Vợ chồng ông T và bà N đã không còn chung sống được 02 năm nay, thỉnh thoảng ông T có ghé về nhà để lấy đồ cá nhân. Hiện ông T thấy rằng, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T làm đơn xin được ly hôn với bà N.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn ông T giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 30/12/2022; 01 bản sao trích lục kết hôn.

** Theo bản tự khai ngày 07/3/2023 và tại phiên tòa, bị đơn (bà N) trình bày:*

Bà N thống nhất với lời trình bày của ông T về quá trình chung sống, mâu thuẫn gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 02/5/2008. Hiện vợ chồng bà N và ông T đã không còn chung sống được 02 năm, từ Tết âm lịch 2021.

- Về hôn nhân: Trước yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì bà N không đồng ý ly hôn vì bà N còn thương chồng, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bị đơn bà N yêu cầu nguyên đơn ông T phải bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần với số tiền 100.000.000 đồng thì mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà N tự khai quá trình chung sống không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bị đơn bà N giao nộp: Bản tự khai ngày 07/3/2023.

** Xác minh và làm việc của Tòa án:*

Ngày 15/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh đối với ông Phạm Văn T1 (trưởng khu phố 5) xác định: Bà N có hộ khẩu thường trú tại số 14/3/2 đường Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 16 (tổ 13 cũ), khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng ông T và bà N đã không còn chung sống đã 02 năm nay, ông T ra ngoài thuê trọ. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì ông T1 không rõ, chỉ nghe mọi người nói là vợ chồng hay mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bà N thường lớn tiếng, nói nhiều.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa,

bị đơn bà N yêu cầu nguyên đơn ông T phải bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần với số tiền 100.000.000 đồng thì mới đồng ý ly hôn, ý kiến này của bị đơn nếu vẫn có yêu cầu thì bị đơn được quyền khởi kiện bằng vụ án khác để giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo biên bản xác minh ngày 15/3/2023, bị đơn bà Đàm Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 02/5/2008. Hôn nhân giữa ông T và bà N đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống. Hiện vợ chồng không còn tình cảm, đã không còn chung sống từ Tết âm lịch năm 2021 cho đến nay. Bà N thừa nhận có mâu thuẫn gia đình với ông T nhưng không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chồng, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đối với lãnh đạo khu phố 5 thì vợ chồng ông T và bà N đã không còn chung sống được gần 02 năm nay. Điều này thống nhất với lời trình bày của đương sự về thực trạng hôn nhân hiện nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Đương sự tự khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần của bị đơn bà N: Bị đơn bà N yêu cầu nguyên đơn ông T phải bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần với số tiền 100.000.000 đồng thì mới đồng ý ly hôn. Do yêu cầu của bị đơn phát sinh sau khi Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không được xem xét trong vụ

án này. Nếu bị đơn tiếp tục có tranh chấp đối với yêu cầu trên thì có quyền khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trịnh Chí T đối với bà Đàm Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Chí T được ly hôn với bà Đàm Thị N.

- Về con chung: Đương sự tự khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trịnh Chí T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0011400 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2023)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Lan